TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày: 28/3/2025
"*V/v tranh chấp kiện đòi nợ tiền*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Trúc.
2. Ông Nguyễn Văn Thám.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa****:* Ông Lê Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công đối với vụ án thụ lý số: 66/2024/TLST-DS ngày 22/7/2024 về việc "*Tranh chấp kiện đòi nợ tiền*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 20/02/2025 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST-DS ngày 17/3/2025, giữa:

- ***Nguyên đơn***: Bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ 2, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- ***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là K), sinh năm 1978; Địa chỉ: 91A Ngô Thị Nhậm, Tổ 2, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt không lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Nguyễn Văn Hiến- Luật sư - Văn phòng Luật sư Phan Anh Cảnh - Chi nhánh tại Gia Lai; Địa chỉ liên lạc: 1422 Quang Trung, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Trần Thị T, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Võ Thị L; Địa chỉ: Số 1320 Quang Trung, Tổ 2 phường S, thị xã A, Gia Lai. Có mặt.

3. Bà Lâm Thị P, sinh năm 1977; Địa chỉ: 81/11 Ngô Mây, Tổ 45, Khu vực 8, phường V, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

4. Lâm Thị N, sinh năm: 1979; Địa chỉ: 01 Nguyễn Huệ, Phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Phan Hòa Hiệp, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 81/11 Ngô Mây, Tổ 45, Khu vực 8, phường V, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn Bà Lâm Thị Đ trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị H (tên thường gọi là K) là người ở cùng xóm từ nhỏ, Hà là bạn thân với em gái tôi là Lâm Thị P nên quen biết, tôi là chị thứ hai trong gia đình, nên khi giao tiếp bà H thường xưng hô tôi theo thứ (gọi tôi là chị Hai) chứ không gọi tên tôi. Trong năm 2022 đến năm 2023 tôi có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị H làm chủ hụi như sau:

Dây thứ nhất mở ngày 25/10/2022 ngày mãn là 25/9/2023, tổng cộng 11 hụi viên, với số tiền góp hụi là 8.000.000đ/ tháng một tháng khui một lần, tôi đã đóng cho bà H 11 tháng là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu) để hốt hụi rốt (người có quyền hốt cuối cùng).

Dây thứ hai mở ngày 25/02/2023 Âm lịch nộp đến tháng 8/2023 với số tiền là 56.000.000đ.

Dây thứ ba từ 25/6/2023 đến 25/8/2023 tôi đóng 2 tháng mỗi tháng 8.000.000đ, thành tiền 16 triệu đồng.

Dây thứ tư từ 25/7/2023 tôi mới đóng một tháng là 8.000.000đ;

Tổng cộng tôi đóng hụi cho bà H 168.000.000đ; theo lịch vào ngày 25/9/2023 bà H sẽ giao tiền thu rốt 02 dây hụi cho tôi. Nhưng chờ mãi không thấy bà H giao tiền, ngày 15/10/2023 Âm Lịch, tôi vô nhà bà H để lấy tiền thì bà H tuyên bố bể hụi và hứa sẽ trả tiền cho tôi vào tháng 12/2023 âm lịch và bà H mới trả tôi được 28.000.000đ, số còn lại bà H chốt sổ nợ, bà H ghi "K nợ chị Định còn 140.000.000". Tuy nhiên sau đó tôi đòi nhiều lần mà bà H không trả tiền cho tôi, nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa buộc bà H phải trả cho tôi số tiền 140.000.000đ mà bà H đã chốt nợ. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đ đã giao nộp chứng cứ là 01 giấy chốt nợ đề ngày 15/10 âm lịch trong đó ghi nội dung "15/10 âm lịch K nợ chị Định còn 140.000.000"; và 02 USB chứa file ghi âm về cuộc đòi nợ giữa nguyên đơn với bị đơn và cuộc nói chuyện giữa bà Lâm Thị P (em bà Đ) với bà H (K) trong đó thể hiện nội dung bà H tuyên bố bể hụi, đề nghị bà Đ mua thửa đất mà bà H mua của bà Quyền trước đây với giá 700.000.000đ nay bà H bán lại cho bà Đ từ 900.000.000đ để cấn, trừ nợ, nếu không mua thì bà H hẹn bà Đ khi nào bán được nhà, đất sẽ trả tiền cho bà Đ,

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là K) trong bản tự khai và trong biên bản hòa giải trình bày: Tôi thừa nhận tôi có nợ nguyên đơn bà Lâm Thị Đ số tiền 140.000đ, đây là tiền tôi mua hàng còn nợ, không phải nợ 140.000.000đ như nguyên đơn khởi kiện. Trong giấy nhận nợ do bà Đ giao nộp tôi có ghi: "15/10 âm lịch K nợ Định còn 140.000" chứ không phải 140.000.000đ như nguyên đơn khởi kiện, theo tôi ba số "0" trong giấy nhận nợ bản gốc bà Đ xuất trình là do bà Đ ghi thêm vào sau khi tôi đã ghi nội dung nêu trên. Tôi yêu cầu trưng cầu giám định ba số 000 này có phải viết cùng thời điểm tôi viết giấy nhận nợ nêu trên hay không, hay do sau đó bị bà Đ viết thêm vào.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành Trưng cầu giám định, tuy nhiên tại văn bản số: 911/CVGĐ-KHHS ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai trả lời từ chối giám định với lý do: "*Nội dung yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn (Hiện nay các tổ chức giám định công lập về kỹ thuật hình sự chưa thực hiện giám định tuổi mực (có viết cùng thời điểm hay không)) và không có đủ điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định. Đặc điểm các số trong dãy số 140.000.000 trên mẫu cần giám định thể hiện ít, không đủ yếu tố để giám định*".

Tại phiên tòa hôm nay Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn vắng mặt, nhưng trong văn bản trình bày ý kiến có trong hồ sơ có trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì theo bà H bà không nợ bà Đ 140.000.000đ, mà chỉ nợ 140.000đ tiền mua hàng hoá còn nợ. Nếu bà Đ khai khoản này là tiền nợ hụi thì đề nghị Tòa hướng dẫn bà Đ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát kết luận và đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H trả cho bà Đ 140.000.000đ còn nợ. Về tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét. Buộc bà H chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến đề xuất hướng giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đ yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H còn có tên gọi khác là K, có địa chỉ cư trú 91A Ngô Thị Nhậm, Tổ 2, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả lại tiền còn nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp kiện đòi nợ tiền", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 26/8/2023 bà Nguyễn Thị H làm Giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Hiến làm đại diện của bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng với tư cách bị đơn thay bà H. Ngày 20/3/2025 bà Nguyễn Thị H có văn bản Thông báo về việc chấm dứt việc ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Hiến và bà H tự tham gia tố tụng, đồng thời bà H viết giấy yêu cầu Luật sư, trong đó yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Luật sư Phan Anh Cảnh tại Gia Lai cử Luật sư Nguyễn Văn Hiến làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H trong vụ án này. Tuy nhiên tại phiên tòa mở lần thứ hai hôm nay bị đơn bà H và Luật sư Nguyễn Văn Hiến vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2] Về pháp luật áp dụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về giao dịch xác lập thời điểm 15/10 âm lịch, theo hai bên thừa nhận là 15/10/2023 âm lịch; thời điểm này Bộ luật dân sự (BLDS) 2015 đang có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Đ cho rằng giữa bà với bà H có tham gia chơi hụi, bà H là chủ hụi. Đến thời điểm 15/10/2023 Âm lịch bà H đã chốt sổ, ghi số tiền nợ (phát sinh từ việc bà Đ đóng tiền hụi) cho bà Đ là 140.000.000đ. Bà H không thừa nhận số tiền nợ này là tiền nợ từ việc bà Đ góp hụi, mà tiền này do bà H mua hàng hóa nhà bà Đ nợ lại, và số tiền nợ chỉ là 140.000đ, không phải 140.000.000đ như bà Đ khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H thừa nhận có nợ tiền và có viết giấy nhận nợ cho bà Đ như bà Đ xuất trình, nhưng không thừa nhận số tiền nợ là 140.000.000đ, như vậy việc bà H còn nợ tiền bà Đ là không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

Bà H bà cho rằng nguồn gốc số nợ này là do mua hàng tạp hóa của bà Đ còn nợ. Lời khai này của bà H không được bà Đ công nhận. Bà H cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc mua hàng hóa của bà Đ là hàng gì? giá bao nhiêu? Đã trả bao nhiêu còn lại nợ 140.000đ như bà H khai;

Bà Đ khai nguồn gốc số nợ này là do bà Đ góp hụi sống. Đến thời điểm 15/10 Âm lịch 2023 bà H tuyên bố bể nợ nên bà H viết giấy chốt nợ cho bà Đ. Bà Đ cung cấp cho Tòa án 02 USB chứa file ghi âm cuộc nói chuyện đòi nợ tiền giữa bà Đ với bà H, giữa bà P (em bà Đ) với bà H và cung cấp danh sách những người làm chứng là những người tham gia chơi hụi cùng với bà Đ với bà H, họ đều xác nhận bà H là chủ hụi, bà Đ đóng hụi và hốt hụi sau cùng.

Tại phiên tòa hôm nay những người làm chứng là bà L, bà T, bà P đều xác nhận là bà H là chủ hụi, bà Đ cùng với họ có tham gia chơi hụi với bà H. Xác nhận việc bà H có tuyên bố bể hụi và có chốt nợ cho người đóng hụi trong đó có bà Đ là đúng. Như vậy nguồn gốc số tiền nợ này bà Đ khai xuất phát tiền bà Đ góp hụi cho bà H là đúng, có cơ sở để chấp nhận lời khai này của bà Đ.

Xét về số tiền nợ: hai bên tranh chấp về số tiền còn nợ, bà Đ cho rằng bà H còn nợ bà Đ 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), bà H cho rằng chỉ nợ bà Đ 140.000đ;

Theo nội dung cuộc nói chuyện trong 02 file ghi âm mà bà Đ cung cấp thể hiện: cuộc hội thoại giữa bà P với bà H, giữa bà Đ với bà H, bà H đều nói: *bà bể hụi, không có tiền mặt, nhưng còn tài sản là 9 đến 10 lô đất, bà H có đề nghị bà Đ mua lại thửa đất của mà bà H mua lại của bà Quyền năm 2020 với giá 700.000.000đ, nay bà Đ muốn lấy tiền nợ thì mua lô đất này với giá 900 triệu để trừ số nợ, không mua thì chờ bà H bán đất, bán nhà bà H trả cho bà Đ*; và bà H có đưa cho bà Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó để bà Đ xem xét mua cấn nợ, thể hiện qua lời nói "*Chị vô nhà tui lấy sổ trừ nợ, sao còn vô nhà đòi nữa*". Như vậy, lời khai của bà H về việc chỉ nợ bà Đ 140.000đ là không đúng thực tế, không có cơ sở để tin lời nói của bà H là sự thật vì không ai nợ 140.000đ mà đưa sổ đỏ cho chủ nợ để bán đất với giá 900.000.000đ để cấn trừ số tiền nợ này.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn Hiến – gửi cho Tòa với tư cách Đại diện theo ủy quyền bị đơn (nay tham gia tư cách Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn) nêu: Bà Lâm Thị Đ cho rằng bà Đ có chơi hụi với bà H là không có cơ sở, số tiền bà H nợ bà Đ là số tiền bà H mua hàng hóa của bà Đ và nợ bà Đ, nếu bà Đ cho

rằng đây là số tiền chơi hụi thì đề nghị Tòa hướng dẫn bà H khởi kiện bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà H là chủ hụi và bà Đ có tham gia chơi hụi với bà H nhiều năm nay đã được nhiều người làm chứng xác nhận. Thứ hai, khoản nợ mà bà H nợ bà Đ là khoản nợ phát sinh từ việc chơi hụi, điều này cũng đã được chứng minh qua việc đòi nợ của bà Đ với bà H. Việc bà H cho rằng chỉ nợ 140.000đ từ việc mua hàng hóa nhà bà Đ điều này không có cơ sở để tin lời nói bà H là sự thật. Nên không chấp nhận ý kiến, đề xuất của ông Nguyễn Văn Hiến nay là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H.

[4] Về án phí: Bị đơn bà H phải chịu án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu được Tòa án chấp nhận tính được là 7.000.000đ.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 274, 275, khoản 4 Điều 278, Điều 280, Điều 471 BLDS 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Đ:

- Buộc bà Nguyễn Thị H (K) phải trả cho bà Lâm Thị Đ số tiền là 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013159 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

4. Thời hạn kháng cáo và quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (28/3/2025), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Long Sơn